TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-PT
Ngày: 02/01/2020
V/v tranh chấp về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo

Bà Trịnh Thị Ánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 12 năm 2019 và ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 668/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1462/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4892/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9282/2019/QĐ-PT ngày 08/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11016/2019/QĐ-PT ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 62/113/3, đường T, Tổ 74, Khu phố 4B, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật T – Luật sư Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1965 (vắng mặt);

2.2. Ông Trần Văn K, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 62/107^{A} đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1953; địa chỉ : Số 62/37, đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2. Ông Trần Quốc H3, sinh năm 1967; địa chỉ : Số 62/113/22A, đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.3. Ông Trần Quốc Ph, sinh năm 1967; địa chỉ : Số 62/113/22A, đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà có tham gia chơi hụi tháng do bà Nguyễn Thị Minh H1 và ông Trần Văn K tổ chức. Cách thức chơi như sau: Hằng tháng người chơi hụi nộp tiền cho chủ hụi và người hốt lãi suất cao thì được bà chủ hụi cho nhận tiền. Bà tham gia chơi hụi tất cả là 7 dây, cứ 5 ngày là khui một dây.

- Dây thứ nhất: 3.000.000 đồng khui ngày 05/10/2015, cứ mỗi tháng vào ngày 05 hàng tháng là khui hụi. Dây hụi này có 20 người chơi. Bà đã tham gia được 12 tháng, tính đến ngày 05/9/2016 tổng số tiền bà đã đóng cho bà H1, ông K là 36.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: 3.000.000 đồng khui ngày 20/01/2015, cứ mỗi tháng vào ngày 20 hàng tháng là khui hụi. Dây hụi này có 24 người chơi. Bà đã tham gia được 21 tháng, tính đến ngày 20/9/2016 tổng số tiền bà đã đóng cho bà H1, ông K là 63.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: 3.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 15/12/2014, cứ mỗi tháng vào ngày 15 hàng tháng là khui hụi. Dây hụi này có 24 người chơi. Bà đã tham gia được 22 tháng, tính đến ngày 15/9/2016 tổng số tiền bà đã đóng cho bà H1, ông K là 66.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: 3.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 30/11/2015, cứ mỗi tháng vào ngày 30 hàng tháng là khui hụi. Dây hụi này có 20 người chơi. Bà đã tham gia được 10 tháng, tính đến ngày 30/8/2016 tổng số tiền bà đã đóng cho bà H1, ông K là 30.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: 5.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 10/6/2016, cứ mỗi tháng vào ngày 10 hàng tháng là khui hụi. Dây hụi này có 22 người chơi. Bà đã tham gia được 4 tháng, tính đến ngày 10/9/2016 tổng số tiền bà đã đóng cho bà H1, ông K là 20.000.000 đồng.

- Dây thứ sáu: 5.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 01/4/2015, cứ mỗi tháng vào ngày 01 hàng tháng là khui hụi. Dây hụi này có 22 người chơi. Bà đã tham

gia được 18 tháng, tính đến ngày 01/9/2016 tổng số tiền bà đã đóng cho bà H1, ông K là 90.000.000 đồng.

- Dây thứ bảy: 5.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 15/01/2016, cứ mỗi tháng vào ngày 15 hàng tháng là khui hụi. Dây hụi này có 20 người chơi. Bà đã tham gia được 9 tháng, tính đến ngày 15/9/2016 tổng số tiền bà đã đóng cho bà H1, ông K là 45.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà đã đóng cho bà H1, ông K là 350.0000.000 đồng. Trong quá trình chơi, bà chưa hốt hụi lần nào. Đến ngày 24/9/2016, thì bà H1 và ông K bỏ trốn, các dây hụi ngưng lại. Bà có liên lạc với bà H1 và ông K thì họ trả được cho bà số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 250.000.000 đồng không trả cho đến nay. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H1 và ông Trần Văn K phải trả lại cho bà số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà không yêu cầu bà H1 và ông K phải trả lãi trên số tiền 250.000.000 đồng.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông Trần Văn H2 tại Bản tự khai ngày 14/3/2017 và tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2018: Ông H2 có chơi hụi vào thời gian từ năm 2000 cho đến thời điểm bà H1 và ông K bỏ trốn khỏi địa phương khoảng tháng 9/2016 nên ông biết bà D có chơi hụi chỗ vợ chồng ông K – bà H1. Ông không rõ ông chơi bao nhiêu dây hụi và không nắm số lượng thành viên nhưng ông có biết một số người chung xóm có chơi cùng dây như bà D, cô A, thằng Đ, Ph, chú B, cô N, chị C (ông chỉ biết tên không biết rõ họ tên và địa chỉ ở đâu) và một số người trên điện thoại của bà H1 nhưng ông không biết chính xác là những ai. Ông không biết bà D chơi bao nhiêu dây hụi. Trước khi ông K - bà H1 bỏ trốn khỏi địa phương thì có trả cho ông 100.000.000 đồng trong khi đó vợ chồng ông K - bà H1 nợ tiền chơi hụi của ông là 650.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 550.000.000 đồng. Do ông không có giấy tờ gì thể hiện là ông K - bà H1 nợ tiền ông nên ông chưa nộp đơn khởi kiện ông K - bà H1 tại Tòa. Theo ông được biết số tiền mà ông K - bà H1 nợ bà D là 350.000.000 đồng, ông K - bà H1 đã trả cho bà D 100.000.000 đồng hiện còn nợ lại 250.000.000 đồng (việc này là do bà D nói lại cho ông biết). Ông không biết rõ bà D chơi hụi từ khi nào, chỉ biết bà D chơi hụi sau ông mấy năm. Ông cũng không rõ bà D đóng bao nhiêu tiền. Ông khẳng định ông chỉ biết bà D có tham gia chơi hụi giống như ông nhưng không rõ bà D chơi bao nhiêu dây hụi, mỗi một dây bà D chơi bao nhiêu phần và mỗi một phần là bao nhiêu tiền. Tại Đơn xin xác nhận ngày 14/11/2017 của ông có nội dung: "Theo số tiền đóng vào của từng dây hụi thì bà D đã đóng cho bà H1, ông K tổng cộng là 281.590.000 đồng, tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 350.000.000 đồng", nội dung này là do bà D nói cho ông biết.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông Trần Quốc H3 tại Bản tự khai ngày 14/3/2017: Ông biết bà D có chơi hụi trong các dây hụi do ông K - bà H1 tổ chức; thời gian không nhớ rõ. Ông xác nhận bà D là một trong những người chơi hụi có cả ông. Đến khoảng tháng 9/2016 thì ông K - bà H1 bán nhà và bỏ trốn khỏi địa phương từ đó các dây hụi dừng lại. Ông không biết số tiền hụi thực tế mà ông K - bà H1 nợ bà D là bao nhiêu, nhưng ông xác nhận bà D có chơi

hụi. Thực tế, ông K - bà H1 cũng còn nợ ông là 49.000.000 đồng. Việc bà D khởi kiện ông K - bà H1 về việc tranh chấp hụi số tiền 250.000.000 đồng ông không có ý kiến gì và ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông Trần Quốc Ph tại bản tự khai ngày 14/3/2017: Ông biết bà D có chơi hụi trong dây hụi của vợ chồng ông K - bà H1 tổ chức, thời gian từ năm 2014 đến khoảng tháng 9/2016. Ông xác nhận bà D là một trong những người chơi hụi có cả ông cùng chơi. Đến khoảng tháng 9/2016 thì ông K - bà H1 bán nhà, bỏ trốn khỏi địa phương từ đó các dây hụi dừng lại. Ông không biết số tiền thực tế mà ông K - bà H1 nợ bà D là bao nhiêu nhưng ông xác nhận bà D có chơi hụi. Thực tế ông K - bà H1 còn nợ ông là 139.000.000 đồng. Việc bà D khởi kiện ông K - bà H1 về việc tranh chấp hụi số tiền 250.000.000 đồng ông không có ý kiến gì và ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1462/2018/DS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H1 và ông Trần Văn K phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 37/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2017 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Minh H1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt.

Người kháng cáo – bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông K bà H1 trả cho bà nợ gốc và lãi là 200.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nếu có cơ sở sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Trần Văn K và bà Ngyễn Thị Minh H1 trả cho bà số tiền hụi chưa hốt gồm gốc và lãi là 200.000.000 đồng, trường hợp không chấp nhận thì yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D chơi 7 dây hụi do Nguyễn Thị Minh H1 và Trần Văn K làm chủ hụi, bà đã đóng tổng cộng 281.590.000 đồng, bà H1 ông K đã trả 100.000.000 đồng, còn lại 181.590.000 đồng tiền gốc. Bà D có các chứng cứ chứng minh việc chơi hụi như: Tờ viết tay "Hụi H1 chị D chơi" đã được Tòa án nhân dân Quận Y giám định xác định chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Minh H1 là của bà H1; trước khi khởi kiện bà D đã làm đơn và có xác nhận của Công an và Ủy

ban nhân dân phường X, Quận Y thể hiện bà D có chơi hụi; có nhiều văn bản thể hiện số tiền còn nợ là 250 triệu đồng có xác nhận của những người cùng chơi hụi, đơn xin ngăn chặn, đơn gửi công an, Ủy ban nhân dân phường … có cơ sở xác định bà D có chơi hụi và bà H1, ông K còn nợ bà D 250.000.000 đồng. Ngoài ra, cấp sơ thẩm có một số sai sót như sau: Có 2 quyết định trưng cầu giám định có nội dung khác nhau, tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quyết định nào để giám định; xác minh thu thập chứng cứ có 3 thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ của 3 thẩm phán khác nhau ký, vậy ai là thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, không đảm bảo nguyên tắc tố tụng một thẩm phán giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 200.000.000 đồng gốc và lãi là hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng gốc và lãi, trường hợp không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1462/2018/DS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, bị đơn – bà Nguyễn Thị Minh H1 và ông Trần Văn K đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định xét xử phúc thẩm và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm nhưng không có mặt tại phiên tòa; người làm chứng – ông Trần Quốc Ph và ông Trần Quốc H3 vắng mặt tại phiên tòa và đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án; do đó, căn cứ vào Điều 229 và khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết và xét xử sơ thẩm, bị đơn – ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Minh H1 vắng mặt, Tòa cấp sơ thẩm đã thực hiện việc xác minh nơi cư trú của bị đơn, thực hiện tống đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; do đó, cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giám định tài liệu là một văn bản có chữ viết và chữ số mà nguyên đơn cho rằng do bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H1 viết ra tại một tờ giấy viết tay có tiêu đề "Hụi H1 chị D chơi" đề ngày 12-7-2019. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm và ra quyết định trưng cầu giám định, theo Kết luận giám định số 3750/C09B ngày 17/9/2019 của Viện Khoa học Hình sự - Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí

Minh thì không đủ cơ sở kết luận chữ số và chữ viết trên tài liệu trưng cầu giám định với chữ viết trên tài liệu làm mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Thị Minh H1 trên Hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 04/10/2016 (bản lưu tại Văn phòng Công chứng P) là có phải do cùng một người viết ra hay không. Sau khi thông báo cho nguyên đơn về kết luận giám định, Tòa án đã cho nguyên đơn thời gian cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của cơ quan giám định để thực hiện giám định lại nhưng nguyên đơn không cung cấp được; do đó, không có cơ sở tiếp tục giám định theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số nợ gốc và lãi là 200.000.000 đồng, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị D như đã trình bày ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của những người làm chứng xác định nguyên đơn có chơi hụi do bị đơn làm chủ hụi. Xét chứng cứ quan trọng nhất mà nguyên đơn đưa ra nhằm chứng minh nguyên đơn có chơi hụi do bị đơn làm chủ là văn bản viết tay ngày 12-7-2016 có cả chữ viết của nguyên đơn và bị đơn, chứng cứ này được cấp sơ thẩm trưng cầu giám định đã xác định chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Minh H1 là của bị đơn. Tại cấp phúc thẩm, để làm rõ việc nguyên đơn chơi hụi cụ thể là bao nhiêu phần, Tòa án đã trưng cầu giám định toàn bộ phần chữ viết, chữ số còn lại trên văn bản mà nguyên đơn cho rằng bị đơn viết ra nhưng theo Kết luận giám định số 3750/C09B ngày 17/9/2019 của Viện Khoa học Hình sự - Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ số là do bị đơn viết. Xét chứng cứ là đoạn băng ghi âm, nguyên đơn cung cấp cho rằng có tiếng nói của bị đơn trong các lần nguyên đơn đóng hụi, nếu có xác định đúng tiếng nói của bị đơn đi chăng nữa thì cũng không chứng minh được tổng số lần và số tiền đóng hụi. Những người làm chứng khai trước tòa cũng chỉ xác định có chơi hụi cùng với nguyên đơn mà không chứng kiến việc nguyên đơn đóng hụi, tổng cộng số nợ hụi là bao nhiêu cũng chỉ nghe nguyên đơn nói lại. Như vậy, tất cả các chứng cứ nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ không thể hiện được thời gian cụ thể nguyên đơn bắt đầu chơi hụi từ thời gian nào, chơi bao nhiêu dây, mỗi dây bao nhiêu phần, mỗi phần bao nhiêu tiền, thời gian khui mỗi dây bắt đầu từ khi nào, số lượng thành viên cũng như danh sách thành viên tham gia hụi chính xác là những ai, cũng không thể hiện được bị đơn đã nhận bao nhiêu tiền của nguyên đơn và cũng không có gì thể hiện nguyên đơn là người chưa hốt hụi; do đó, không thể xác định số nợ hụi mà bị đơn còn nợ nguyên đơn.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng trên các đơn của bà D gửi Ủy ban nhân dân và Công an phường X, Quận Y xác nhận là bà D có chơi hụi và những người cùng chơi hụi xác nhận bà H1 ông K còn nợ bà D 250.000.000 đồng, sau khi xem xét các chứng cứ luật sư nêu thì

Công an và Ủy ban nhân dân phường chỉ xác nhận địa chỉ thường trú và hoàn cảnh gia đình khó khăn của bà D. Cấp sơ thẩm có sai sót trong quá trình tố tụng nhưng không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm; do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy bản án án sơ thẩm của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình mặc dù nghĩa vụ chứng minh là của nguyên đơn. Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án; cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ cũng như trưng cầu giám định để tìm ra sự thực khách quan nhưng cũng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử sơ thẩm hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 37/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2017 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Minh H1 là có cơ sở.

Từ những lập luận trên, xét không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí, do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm nhưng do bà D là người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà D.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã đóng đủ.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1462/2018/DS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bị đơn - bà Nguyễn Thị Minh H1 và ông Trần Văn K phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

2. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 37/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/3/2017 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Minh H1.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2014/0002917 ngày 19/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã đóng đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y;
- Đương sự;
- Lưu (T20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hương